

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT PHÂN BÓN XANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT PHÂN BÓN XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110115042

**3. Ngày thành lập:** 13/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 21 - C2 khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0909839886

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                      | 4632     |
| 2.  | Trồng lúa                                               | 0111     |
| 3.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                 | 0112     |
| 4.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                            | 0113     |
| 5.  | Trồng cây mía                                           | 0114     |
| 6.  | Trồng cây thuốc lá, thuốc lào                           | 0115     |
| 7.  | Trồng cây lấy sợi                                       | 0116     |
| 8.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                               | 0117     |
| 9.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                    | 0118     |
| 10. | Trồng cây hàng năm khác                                 | 0119     |
| 11. | Trồng cây ăn quả                                        | 0121     |
| 12. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                              | 0122     |
| 13. | Trồng cây điều                                          | 0123     |
| 14. | Trồng cây hồ tiêu                                       | 0124     |
| 15. | Trồng cây cao su                                        | 0125     |
| 16. | Trồng cây cà phê                                        | 0126     |
| 17. | Trồng cây chè                                           | 0127     |
| 18. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm | 0128     |
| 19. | Trồng cây lâu năm khác                                  | 0129     |
| 20. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                     | 0131     |
| 21. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                      | 0132     |
| 22. | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò           | 0141     |
| 23. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa     | 0142     |

|     |                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 24. | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai                         | 0144        |
| 25. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                            | 0145        |
| 26. | Chăn nuôi gia cầm                                                              | 0146        |
| 27. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                  | 0150        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                   | 0161        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                    | 0162        |
| 30. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                | 0163        |
| 31. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                  | 0164        |
| 32. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                               | 4722        |
| 33. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                   | 0891        |
| 34. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                        | 0899        |
| 35. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                | 1010        |
| 36. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                        | 1020        |
| 37. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                   | 1030        |
| 38. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                | 1040        |
| 39. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                            | 1050        |
| 40. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                    | 1061        |
| 41. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                  | 1062        |
| 42. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                  | 1071        |
| 43. | Sản xuất đường                                                                 | 1072        |
| 44. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                            | 1073        |
| 45. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                   | 1074        |
| 46. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                          | 1075        |
| 47. | Sản xuất chè                                                                   | 1076        |
| 48. | Sản xuất cà phê                                                                | 1077        |
| 49. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                 | 1079        |
| 50. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                  | 1080        |
| 51. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                       | 2011        |
| 52. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                            | 2012(Chính) |
| 53. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                           | 2013        |
| 54. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp        | 2021        |
| 55. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít | 2022        |
| 56. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh         | 2023        |
| 57. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                  | 3700        |
| 58. | Thu gom rác thải không độc hại                                                 | 3811        |
| 59. | Thu gom rác thải độc hại                                                       | 3812        |
| 60. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                       | 3821        |

|     |                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------|------|
| 61. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                | 3822 |
| 62. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác | 3900 |

**6. Vốn điều lệ:** 668.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 6.680.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                            | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN THỊ<br>HOA      | Căn 316 CT4A<br>X2 Bắc Linh<br>Đàm, Phường<br>Hoàng Liệt, Quận<br>Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 66.800        | 6.680.000.000            | 1,000        | 0381850097<br>30                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Tổng số                            | 66.800        | 6.680.000.000            | 1,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>PHƯƠNG LAN | Số 03 ngõ 255<br>Nguyễn Khang,<br>Phường Yên Hoà,<br>Quận Cầu Giấy,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 66.800        | 6.680.000.000            | 1,000        | 0011750277<br>12                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               | Tổng số                            | 66.800        | 6.680.000.000            | 1,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                               |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                                            |                           |           |                 |        |              |
|---|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|-----------------|--------|--------------|
| 3 | PHẠM GIA KHẢI | 21C2 Khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 6.546.400 | 654.640.000.000 | 98,000 | 030071012383 |
|   |               |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0               | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0               | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0               | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0               | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                            | Tổng số                   | 6.546.400 | 654.640.000.000 | 98,000 |              |
|   |               |                                                                                            |                           |           |                 |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM GIA KHẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/02/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030071012383

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 21C2 Khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 21C2 Khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội